

Bản án số: 21/2017/HSST
Ngày 25/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà **Lê Thị Tâm**
Hội thẩm nhân dân Ông **Lê Quang Tùng**
Ông **Lò Đức Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Định** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:

Bà: **Hà Thị Hồng Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HSST ngày 19/6/2017 đối với:
+ BỊ CÁO

Họ và tên **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn T (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ con;

Nhân thân: Ngày 28/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã chấp hành xong án ngày 09 tháng 5 năm 2014.

Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam ngày 25/4/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. *(Có mặt tại phiên tòa).*

+ NGƯỜI BẢO CHỨA CHO BỊ CÁO NGUYỄN VĂN T:

Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên Pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6 – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. *(Có mặt)*

+ Những người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1996 *(Có mặt)*

Trú tại: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Vi Văn D - Sinh năm: 1975 *(Vắng mặt)*

Trú tại: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1964 *(Vắng mặt)*

Trú tại: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 25/4/2017 Nguyễn Văn T, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36H6 - 2763 từ nhà đi lên xã L, huyện T, với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến thôn N, Nguyễn Văn T đi vào nhà chị Nguyễn Thị T giả vờ hỏi thăm nhà người thân, đồng thời T xin chị T nước để uống. Chị T đi xuống bếp lấy nước, Nguyễn Văn T ở trên phòng khách quan sát thấy 01 chiếc điện thoại OPPO F1S, màu vàng gold đang cắm sạc để ở đầu giường ngủ, T trộm cắp chiếc điện thoại bỏ vào túi và quay ra lấy xe máy đi về. Ngay lúc này chị Nguyễn Thị T từ dưới bếp đi lên phát hiện mất chiếc điện thoại nên đã truy hô và nhờ người báo Công an xã vây bắt Nguyễn Văn T. Sau khi nhận được tin báo Công an xã L cùng với quần chúng nhân dân đã bắt được Nguyễn Văn T tại địa phận thôn L, xã L cùng với chiếc điện thoại OPPO F1S.

Ngày 26/4/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: Giá trị chiếc điện thoại OPPO F1S của chị Nguyễn Thị T là 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T còn khai nhận :

Sáng ngày 24/4/2017 Nguyễn Văn T đi xe máy đến nhà chị Nguyễn Thị L, ở thôn N, xã L hỏi mua 01 bao thuốc lá Thăng Long và 01 chiếc bật lửa. Trong lúc mua hàng, lợi dụng sơ hở của chị L, Nguyễn Văn T đã lấy 01 chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen của chị L đang để trên nóc tủ lạnh rồi bỏ vào túi đi về. Tiếp sau đó Nguyễn Văn T điều khiển xe máy đến thôn L, xã L vào nhà anh Vi Văn D. Thái đi vào trong nhà không thấy ai và quan sát thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPOP A37, màu vàng của anh D đang để trên bàn nên đã lấy bỏ vào túi rồi quay ra lấy xe máy đi về. Sau đó Nguyễn Văn T đem chiếc điện thoại OPPO A37 bán cho anh Trần Văn H, sinh năm: 1990, ở thôn X, xã N, huyện T với giá 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Còn chiếc điện thoại NOKia 1280 T đem bán cho một người đàn ông không quen biết ở ngã ba Thị trấn T được 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được. Số tiền bán được từ 02 chiếc điện thoại T đã tiêu sài cá nhân, số tiền còn lại 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng) T nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Ngày 04/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân đã kết luận: Giá trị chiếc điện thoại OPPOA37 của anh Vi Văn D là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng), giá trị của chiếc điện thoại Nokia 1280 của chị Nguyễn Thị L 150.000đ.

Đối với Trần Văn H đã mua chiếc điện thoại OPOP A37 của Nguyễn Văn T nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 chiếc điện thoại: 01 chiếc điện thoại OPPO F1S của chị Nguyễn Thị T, 01 chiếc điện thoại OPPOA37 của anh Vi Văn D và đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Chiếc điện thoại Nokia 1280 của chị Nguyễn Thị L không thu giữ được, Nguyễn Văn T và gia đình đã bồi thường số tiền

150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Lương. Chị T, anh D và chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số19/VKS – CTr ngày 19/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3, Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị Quyết 144/2016/QH 13 ngày 29/6/2016 Quốc hội thi hành BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 (chín) đến 12 (mười tháng) tháng tù.

Về phần bồi thường dân sự: Những người bị hại không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Bị cáo nhận tội, bị cáo và người bị hại không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T có quan điểm bào chữa cho rằng: đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Bị cáo là còn trẻ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt bị cáo một mức án phù hợp.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đã có những hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

Xét tính chất của vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Tuy nhiên vụ án xảy ra đó gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân về an toàn của tài sản. Vì vậy đối với vụ án phải xử lý nghiêm khắc để trừng trị kẻ phạm tội và giáo dục răn đe đối với các đối tượng đang có ý định phạm tội.

Xét hành vi của bị cáo: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý và bảo vệ tài sản, trong hai ngày liên tục là ngày 25/4/2017 bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp tài sản là 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S của chị Nguyễn Thị T trị giá 2.650.000đ(Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), ngày 24/4/2017 T đã trộm cắp 01chiếc điện thoại OPPO A37 của anh Vi Văn D trị giá 2.100.000đ

(Hai triệu một trăm nghìn đồng) và 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 của chị Nguyễn Thị L trị giá 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng tài sản có giá trị 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, mục đích trộm cắp tài sản bán để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là chính xác và có cơ sở.

Xét về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T là người có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử 15 tháng tù về tội cướp giật tài sản. Bị cáo T đã chấp hành án xong ngày 09/5/2014 nên căn cứ theo khoản 3, Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015; Nghị Quyết 144/2016/QH 13 ngày 29/6/2016 Quốc hội thi hành BLHS năm 2015 thì bị cáo đã được xóa án tích. Mặc dù bị cáo đã được xóa án, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện lại tiếp tục phạm tội, bị cáo phạm tội 2 lần độc lập nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Quá trình Điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại; đồng thời đã bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 1.510.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và anh H đã nhận số tiền 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng) tại cơ quan Điều tra, nay anh H không yêu bị cáo bồi thường cầu gì thêm. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét để bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 144/2016/QH/13 ngày 29/6/2016 Quốc hội thi hành BLHS năm 2015; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo trên cơ sở xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T một mức án nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành án. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện cá nhân hộ nghèo năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo T đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Nguyễn Văn T**
Phạm tội : **“Trộm cắp tài sản”**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 4 Điều 1 Nghị Quyết 144/2016/QH 13 ngày 29/6/2016; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2017, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; Người bị hại Nguyễn Thị T; Người bào chữa. Vắng mặt người bị hại Vi Văn D và chị Nguyễn Thị L. Bị cáo, Người bị hại có mặt; Người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2017). Người bị hại Vi Văn D và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA -TAND tỉnh T;
- Bị cáo Nguyễn Văn T;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Tâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Tùng

Lò Đức Hạnh

Lê Thị Tâm

